

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/DS-PT

Ngày 18-9-2025

"V/v tranh chấp đòi lại tài sản"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Phước;

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Phương;

Bà Nguyễn Thị Hải Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại Phòng xét xử số 03, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2025/TLPT-DS ngày 20 tháng 8 năm 2025 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - tỉnh Quảng Trị) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 42/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

**1- Nguyên đơn:** Bà Phan Thị N, sinh năm 1973; địa chỉ: khu phố H, xã G, tỉnh Quảng Trị (địa chỉ trước lúc sáp nhập: khu phố H, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị); vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Khánh T - Luật sư Văn phòng L; địa chỉ: số E L, phường N, tỉnh Quảng Trị; có đơn xin xét xử vắng mặt.

**2- Bị đơn:** Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn V, xã B, tỉnh Quảng Trị (địa chỉ trước lúc sáp nhập: thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị); có mặt.

**Người kháng cáo:** Bị đơn ông Nguyễn Đức H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2024 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 12/01/2020, ông Nguyễn Đức H có vay của bà Phan Thị N số tiền 470.000.000 (*Bốn trăm bảy mươi triệu*) đồng, hẹn 2 tháng tức ngày 12/3/2020 sẽ trả lại cho bà N. Đến ngày 21/9/2020, ông H tiếp tục vay của bà N số tiền 105.000.000 (*Một trăm linh năm triệu*) đồng, hẹn 2 tháng tức ngày 21/11/2020 trả cho bà N. Tổng cộng ông H vay của bà N số tiền 575.000.000 (*Năm trăm bảy mươi lăm triệu*) đồng.

Đến hạn, ông H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận, bà N đã nhiều lần liên lạc và yêu cầu ông H trả tiền theo đúng thỏa thuận nhưng ông H vẫn không trả. Việc không thực hiện nghĩa vụ trả tiền của ông H đã xâm phạm trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N.

Do hai bên không thỏa thuận mức lãi suất đối với việc chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên căn cứ vào khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự, lãi suất được tính theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 10%/năm (tương đương 0.027%/ngày). Cho nên số tiền lãi phát sinh mà ông H phải chịu tính đến ngày khởi kiện như sau: Lãi phát sinh đối với khoản vay 470.000.000 đồng tính từ ngày 13/3/2020 đến ngày khởi kiện 17/10/2024 là 56 tháng 05 ngày (tức là 1.674 ngày):  $470.000.000 \text{ đồng} \times 1.674 \text{ ngày} \times 0.027\%/\text{ngày} = 212.430.600 \text{ đồng}$ . Lãi suất tính đến thời điểm xét xử, bà N sẽ cung cấp tại phiên xét xử. Đối với khoản vay 105.000.000 đồng bà N không yêu cầu tính lãi suất đối với việc chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Bà Phan Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Đức H có nghĩa vụ trả cho bà N tổng số tiền 787.430.600 đồng, trong đó 575.000.000 đồng tiền gốc và 212.430.600 đồng tiền lãi (Lãi suất tính đến thời điểm khởi kiện) theo giấy vay tiền đề ngày 12/01/2020 và giấy vay tiền đề ngày 21/9/2020.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Khánh T thay đổi yêu cầu khởi kiện, rút yêu cầu buộc ông H phải trả tiền lãi số tiền 212.430.600 đồng, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông H phải trả cho bà N số tiền gốc 575.000.000 đồng theo giấy vay tiền đề ngày 12/01/2020 và giấy vay tiền đề ngày 21/9/2020.

*2. Tại đơn kiến nghị, đơn trình bày ý kiến bổ sung, tại các phiên hòa giải, bị đơn ông Nguyễn Đức H trình bày:*

Trong giấy vay tiền đề ngày 12/01/2020 có ghi tại Mục 2. Lý do vay tiền: vay tiền mặt để giao dịch cho ông N1 và bà Q. Mục 4. Thời hạn cho vay: thời gian 2 tháng là thời hạn đến ngày 12/3/2020 phải trả tiền nhưng trong hợp đồng vay tiền ngày 13/01/2020 giữa ông H và ông N1 bà Q. Mục 2. Thời gian cho vay: 06 tháng (sáu tháng) đến ngày 13/7/2020, như vậy là không khớp của hai tờ giấy vay tiền.

Trong tờ giấy vay tiền ngày 12/01/2020 có ghi tại Mục 5. Hình thức vay: Thế chấp, có thế chấp 01 sổ hồng mang tên Công ty TNHH B cấp ngày 20/8/2013 do UBND tỉnh Q cấp số phát hành BI 824779 số vào sổ cấp giấy chứng nhận số 00798 do ông N1 và bà Q chủ sở hữu, trong đó có một phần tài sản của ông H.

Việc ông H vay tiền bà N là cầm và thế chấp tài sản quyền sử dụng đất nhưng đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà T yêu cầu Tòa án phải tính lãi quá hạn cho nguyên đơn trong số tiền 472.000.000 đồng và số tiền 105.000.000 đồng và được Thư ký Tòa án lập và cùng ký tên giữa nguyên đơn và bị đơn. Như vậy, muốn tính lãi suất quá hạn thì phải giấy phép kinh doanh hành nghề cầm cố.

Ông H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Gio Linh buộc bà Phan Thị N cung cấp giấy phép kinh doanh hành nghề cầm cố để cho ông H đối chiếu. Nếu nguyên đơn không có giấy phép kinh doanh ngành cầm cố hoặc có giấy phép kinh doanh ngành nghề nhưng không đúng mục đích kinh doanh ngành nghề thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, ông H thừa nhận ngoại trừ các chữ số ghi ngày, tháng, năm vay tiền thì các chữ viết trong các giấy vay tiền, chữ ký bên dưới mục bên vay tiền trong cả hai giấy vay tiền ngày 21/9/2020 và ngày 12/01/2020 đều do ông tự viết, tự ký tên, trên cơ sở tự nguyện, không có bất kỳ ai lừa dối hay ép buộc. Tuy nhiên, do ngày vay trong văn bản không đúng thực tế nên ông không đồng ý trả nợ cho bà N.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 20/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 – Quảng Trị) quyết định:*

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 146, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 273, khoản 5 Điều 234, khoản 2 Điều 491, Điều 244, 266, 271 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 160, 166, 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị N về việc đòi lại tài sản: buộc ông Nguyễn Đức H hoàn trả cho bà Phan Thị N tổng số tiền 575.000.000 (Năm trăm bảy mươi lăm triệu) đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nội dung buộc ông Nguyễn Đức H phải trả 212.430.600 (Hai trăm mười hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn sáu trăm đồng) đồng tiền lãi quá hạn.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên lãi suất chậm thi hành án, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/7/2025, bị đơn ông Nguyễn Đức H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 20/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị), đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án với các lý do:

- Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty TNHH B vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

- Tòa án không làm rõ nguồn gốc thế chấp vay tiền quyền sử dụng đất giữa bị đơn và nguyên đơn có dấu hiệu cho vay nặng lãi.

- Không làm rõ bản ghi âm và hình ảnh bà N đưa đến nhà ông H viết giấy tăng lãi suất ngày 03/01/2024 được camera ghi lại.

- Giấy vay tiền ngày 21/9/2020 của bà N nộp cho Tòa án là giả chữ viết, chữ số.

- Vụ án đã hết thời hạn giải quyết kể từ ngày thụ lý 08/11/2024 đến ngày 20/6/2025 là 07 tháng 12 ngày.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Huỷ toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 20/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị); giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Về án phí: Ông Nguyễn Đức H không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:* Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự thì bị đơn ông Nguyễn Đức H có quyền kháng cáo và việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn quy định. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận để xem xét giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] *Xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn bà Phan Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Nguyễn Đức H trả lại cho nguyên đơn tổng số tiền 575.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 21/9/2020 và ngày 12/01/2020 và không yêu cầu khoản tiền lãi. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ "*Tranh chấp đòi lại tài sản*" và tiến hành giải quyết vụ án là phù hợp theo khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] *Về việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm:* Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức H:

\* Kháng cáo của bị đơn yêu cầu đưa Công ty TNHH B vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo giấy vay tiền ngày 12/01/2020, tại mục 5 có thể hiện nội dung thế chấp tài sản là "1 sổ hồng mang tên CTTNHH Bảo Lâm cấp ngày 20/8/2013 (BI 824779), 1 giấy chứng nhận ĐK doanh nghiệp CTTNHH hai thành viên trở lên đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 25/11/2018", nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cả nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án đưa người tham gia tố tụng; Công ty TNHH B cũng không thế chấp quyền sử dụng đất cho bà Phan Thị N; mặt khác nguyên đơn yêu cầu đòi lại tài sản khoản tiền mà bị đơn còn nợ 575.000.000 đồng, do đó cấp sơ



thẩm không đưa Công ty TNHH B vào tham gia tổ tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật.

\* Kháng cáo của bị đơn cho rằng việc nguyên đơn cho bị đơn vay tiền có dấu hiệu vay nặng lãi, Hội đồng xét xử Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong giấy vay tiền ngày 21/9/2020 và ngày 12/01/2020 không ghi lãi suất cho vay, bị đơn cũng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc nguyên đơn cho bị đơn vay với mức lãi suất bao nhiêu và bị đơn đã trả khoản tiền lãi như thế nào, do đó không có căn cứ để xác định nguyên đơn có dấu hiệu cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự.

\* Kháng cáo của bị đơn cho rằng vụ án đã hết thời hạn giải quyết, thấy rằng: Ngày 08/11/2024, Tòa án nhân dân huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị (nay là TAND khu vực 8 - Quảng Trị) thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm; ngày 04/3/2025, Tòa án ban hành quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử; ngày 08/5/2025, Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Như vậy, căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án được xét xử trong thời hạn luật định của pháp luật.

\* Kháng cáo của bị đơn về việc cho rằng giấy vay tiền ngày 21/9/2020 của bà N nộp cho Tòa án là giả chữ viết, chữ số. Tuy nhiên, bị đơn ông H thừa nhận trong hai giấy vay tiền ngày 12/01/2020 và 21/9/2020 chữ ký trong giấy vay tiền do ông H ký, nên ông H phải chịu trách nhiệm về nội dung của giấy vay tiền, mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không yêu cầu Tòa án giám định chữ viết, chữ số trong giấy vay tiền nên không có căn cứ để chấp nhận.

Như vậy, bị đơn ông Nguyễn Đức H thừa nhận ngoại trừ các chữ số ghi ngày, tháng, năm vay tiền thì các chữ viết trong các giấy vay tiền, chữ ký bên dưới mục bên vay tiền trong cả hai giấy vay tiền ngày 12/01/2020 và ngày 21/9/2020 đều do ông H tự viết, tự ký tên trên cơ sở tự nguyện, không có bất kỳ ai lừa dối hay ép buộc do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị N, buộc ông Nguyễn Đức H phải hoàn trả cho bà Phan Thị N tổng số tiền 575.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, do đó không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức H.

**[3] Về án phí:** kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức H không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

**[4]** Những phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Đức H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 20/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Quảng Trị).

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 244, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 160, Điều 166, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị N về việc đòi lại tài sản: buộc ông Nguyễn Đức H phải hoàn trả cho bà Phan Thị N tổng số tiền 575.000.000 (*Năm trăm bảy mươi lăm triệu*) đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị N về nội dung buộc ông Nguyễn Đức H phải trả số tiền lãi quá hạn là 212.430.600 (*Hai trăm mười hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn sáu trăm đồng*) đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

*Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.*

**2. Về án phí:** Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

- Án phí sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Nguyễn Đức H phải chịu 27.000.000 (*Hai mươi bảy triệu*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Phan Thị N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 17.748.612 (*Mười bảy triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm mười hai đồng*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000367 ngày 08/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Quảng Trị).

- Án phí phúc thẩm: bị đơn ông Nguyễn Đức H phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0000919 ngày 16/7/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 tỉnh Quảng Trị. Ông Nguyễn Đức H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

**3. Những phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.**

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND khu vực 8 - Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Tòa DS;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Hồng Phước**